

Bản án số: 55/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25 - 12 - 2025.
V/v “Ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Luân.

Bà Phạm Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Đào - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 185/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về việc “Ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Chu Thị Ú, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 7, phường T, tỉnh Ninh Bình; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Th, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 7, phường T, tỉnh Ninh Bình; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 11 năm 2025 và các lời khai tại Tòa án, chị Chu Thị Ú là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Văn Th kết hôn hoàn toàn tự nguyện, trước khi cưới có được tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 02 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường Tam Chúc, tỉnh Ninh Bình). Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 02 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và sự đồng cảm dẫn đến vợ chồng hay xảy ra va chạm, xích mích. Mâu thuẫn của vợ chồng

chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Từ năm 2022, vợ chồng chị sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng và không ai còn quan tâm gì đến cuộc sống, tình cảm của nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Th, mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th để chị ổn định cuộc sống. Do công việc bận nên chị xin được vắng mặt trong các phiên tòa xét xử vụ án.

Tại bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, anh Lê Văn Th là bị đơn trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng anh đúng như chị Ú trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh một phần do anh có quan hệ ngoài luồng với người khác, nợ nần dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, anh nhiều lần xin lỗi nhưng chị Ú không nghe. Sau đó, chị Ú cũng có quan hệ ngoài luồng với người khác khiến cho tình cảm vợ chồng càng thêm rạn nứt. Nay anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị Ú. Chị Ú làm đơn xin ly hôn anh, anh không nhất trí. Do công việc bận nên anh xin được vắng mặt trong các phiên tòa xét xử vụ án.

Về con chung: Chị Ú, anh Th cùng thống nhất trình bày, vợ chồng anh chị có một con chung là cháu Lê Tiến M, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2019. Hiện cháu M đang ở với anh Th. Khi ly hôn, chị Ú, anh Th thống nhất giao cháu M cho anh Th trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Minh đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Chị Ú không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của anh Th.

- Về con riêng: Chị Ú, anh Th cùng thống nhất trình bày: Chị Ú có một con riêng là cháu Lê Thị Lệ Qu, sinh ngày 10 tháng 02 năm 2009. Hiện cháu Qu đang ở với chị Ú. Anh Th có hai người con riêng là cháu Lê Thị Thu Tr, sinh ngày 10 tháng 12 năm 2009 và cháu Lê Anh T, sinh ngày 09 tháng 3 năm 2012. Hiện cháu Tr, cháu T đang ở với anh Th. Khi ly hôn, chị Ú, anh Th thống nhất con riêng của ai, người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. 1. Xử lý hôn giữa chị Chu Thị Ú và anh Lê Văn Th. 2. Con chung: Giao cháu Lê Tiến M, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2019 cho anh Lê Văn Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Chị Ú không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo

sự tự nguyện của anh Th. 3. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng quan điểm đề nghị về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện của chị Chu Thị Ú yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Lê Văn Th là bị đơn; địa chỉ: Tổ dân phố số 7, phường T, tỉnh Ninh Bình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân khu vực 5 - Ninh Bình. Chị Chu Thị Ú, anh Lê Văn Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đây là trường hợp đương sự vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị Chu Thị Ú và anh Lê Văn Th kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27 tháng 02 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Ba Sao, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam (nay là phường Tam Chúc, tỉnh Ninh Bình). Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chị Ú, anh Th chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và sự đồng cảm, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn. Chị Ú xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không quan tâm đến nhau và kiên quyết xin ly hôn anh Th, mặc dù anh Th không nhất trí ly hôn nhưng anh cũng xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn của vợ chồng chị Ú, anh Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu ly hôn của chị Ú là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận, xử ly hôn giữa chị Ú và anh Th là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị Ú, anh Th có một con chung là cháu Lê Tiến M, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2019. Hiện cháu M đang ở với anh Th, được anh Th nuôi dưỡng đảm bảo tốt về mọi mặt. Khi ly hôn, chị Ú, anh Th đều có nguyện vọng giao cháu M cho anh Th trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Chị Ú không phải cấp dưỡng nuôi con chung theo sự tự nguyện của anh Th. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự được Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

Con riêng: Chị Ú, anh Th cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, riêng; công nợ; công sức đóng góp và diện tích đất nông nghiệp: Không có.

[5] Về án phí: Chị Chu Thị Ú phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Chu Thị Ú và anh Lê Văn Th.

2. Con chung: Giao cháu Lê Tiến M, sinh ngày 03 tháng 02 năm 2019 cho anh Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Minh đủ 18 tuổi, lao động tự lập được. Chị Ú không phải cấp dưỡng cho con theo sự tự nguyện của anh Th.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Án phí: Chị Chu Thị Ú phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí chị Ú đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0003071 ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị Ú đã nộp đủ tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Chị Ú, anh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 5 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND phường Tam Chúc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Nguyệt